

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ
2. Ông Y Bhiu Mlô

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Vĩnh T, sinh năm 1960 (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn 9, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Mai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Phan Vĩnh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29 tháng 01 năm 1986. Sau khi kết hôn bà M và ông T chung sống hạnh phúc và sinh được 04 người con, đến năm 1998 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau đó ông T bỏ đi làm ăn xa, khoảng 3 năm ông T mới về nhà một lần. Lần cuối cùng ông T về nhà là vào năm

2012, rồi lại bỏ đi cho đến nay không thấy về, bà M đã hỏi thăm và tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của ông T. Vì vậy bà M làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phan Vĩnh T mất tích, để có căn cứ giải quyết việc ly hôn. Theo yêu cầu của bà M, tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2017/QĐDS-ST ngày 1/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã tuyên bố ông Phan Vĩnh T mất tích. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phan Vĩnh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông T có 04 con chung là Phan Vĩnh Ha, sinh năm 1987, Phan Vĩnh H, sinh năm 1989, Phan Vĩnh B, sinh năm 1991; Phan Vĩnh A, sinh năm 1992, hiện các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và công việc ổn định nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn ông Phan Vĩnh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay thì nhận thấy giữa bà M và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn với ông T. Về con chung: các con chung đã trưởng thành, có công việc và gia đình ổn định nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ; về tài sản chung cũng như nợ chung bà M không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết việc ly hôn với ông Phan Vĩnh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk giải quyết là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Phan Vĩnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/01/1986. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp

pháp, sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2012 ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú. Theo yêu cầu của bà M, tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2017/QĐDS-ST ngày 1/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã tuyên bố ông Phan Vĩnh T mất tích. Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông T có 04 con chung là Phan Vĩnh Ha, sinh năm 1987, Phan Vĩnh H, sinh năm 1989, Phan Vĩnh B, sinh năm 1991; Phan Vĩnh A, sinh năm 1992, hiện các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và công việc ổn định nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phan Vĩnh T.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông T có 04 con chung là Phan Vĩnh Ha, sinh năm 1987; Phan Vĩnh H, sinh năm 1989; Phan Vĩnh B, sinh năm 1991; Phan Vĩnh A, sinh năm 1992, hiện các con chung đã trưởng thành có gia đình riêng và có công việc ổn định nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001401 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Vĩnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- UBND xã Pong Drang;
- UBND xã Cư Pong;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Hải